

TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH - SỨC MẠNH MỀM VIỆT NAM TRONG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS, TS. VŨ QUANG VINH (*)

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài, nhà ngoại giao kiệt xuất sáng lập ra nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Người đã chỉ đạo công tác ngoại giao nước nhà vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần làm nên những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hơn 75 năm qua, dưới ánh sáng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, nền ngoại giao Việt Nam có những sáng tạo phù hợp với “bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc”¹, là một yếu tố quan trọng của sức mạnh mềm Việt Nam trong quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh; ngoại giao Việt Nam; đối ngoại và hội nhập quốc tế

Ngày nhận: 21/11/2021

Ngày phản biện: 07/01/2022

Ngày duyệt đăng: 11/02/2022

1 Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

● Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra chân lý: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”². Người chỉ rõ, cách mạng thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, và cuộc cách mạng đó có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc, góp phần giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành được thắng lợi triệt để phải có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, từ đó phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, có vai trò định hướng nhận thức và chỉ đạo hành động trong quá trình triển khai đường lối

đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các chặng đường lịch sử.

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”³. Người đã vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin để đề ra đường lối đối nội, đối ngoại phù hợp với điều kiện lịch sử của Việt Nam và tình hình thế giới. Người xác định: “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁴, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁵. Tư tưởng độc lập tự chủ được Chủ tịch Hồ Chí Minh xem là “cái gốc”, “điểm mấu chốt” của mọi vấn đề. Trong khi Liên Xô và Trung Quốc bất đồng sâu sắc, với tinh thần độc lập tự chủ, ý thức đoàn kết và hợp tác quốc tế, Việt Nam vẫn tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn của cả hai nước này, từ đó hình thành nên mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Độc lập tự chủ, tự lực tự cường để tranh thủ

(*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

hợp tác quốc tế; đoàn kết và hợp tác quốc tế để tăng khả năng tự lực tự cường, tạo điều kiện có lợi cho cách mạng Việt Nam. Đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế là sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi hoạt động quốc tế và ngoại giao của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sức mạnh của dân tộc Việt Nam được tổng hợp từ nhiều nhân tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự, ngoại giao, địa lý, con người... Đó là sự kết hợp của sức mạnh vật chất và tinh thần, sức mạnh của truyền thống và hiện đại. Sức mạnh thời đại luôn mang nội dung mới, phù hợp với thực tế cách mạng thế giới và nhân loại. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), sức mạnh thời đại là sức mạnh của hệ tư tưởng Mác - Lênin, của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đoàn kết lại... Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng tập hợp lực lượng quốc tế để “thêm bạn, bớt thù”, với phương châm ngoại giao “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”⁶. Do vậy, “Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”⁷ và “phải kiếm bạn đồng minh đâu rằng tạm thời bấp bênh có điều kiện”⁸. Sức mạnh của thời đại còn thể hiện ở việc tranh thủ được sự hợp tác, đầu tư của nước ngoài để phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ.

Coi trọng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng. Nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ hữu nghị, hòa bình với các nước láng giềng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “SỰ BIỆT LẬP”⁹, “THIÊU SỰ TIN CẬY LẤN NHAU”¹⁰ đã làm suy yếu sức mạnh của các dân tộc phương Đông. Ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, Người đã quan tâm xây dựng mối quan hệ đoàn kết với các lực lượng tiến bộ và cách mạng

ở Trung Quốc. Với ba nước Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện chính sách dân tộc tự quyết, hợp tác đấu tranh chống kẻ thù chung. Người nêu cao tư tưởng “... giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình”¹¹. Người luôn coi trọng việc giáo dục tinh thần quốc tế vô sản cho toàn dân tộc và coi đó là một nội dung quan trọng của hoạt động ngoại giao.

Coi trọng xử lý đúng quan hệ với các nước lớn. Ngay từ khi cách mạng Việt Nam mới giành thắng lợi, Người đã khéo léo áp dụng đường lối ngoại giao “hòa Tưởng, chống Pháp”, rồi “hòa Pháp, gạt Tưởng” để giữ vững thành quả cách mạng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi Liên Xô, Trung Quốc bất hòa, ta vẫn giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ, đoàn kết quốc tế, cân bằng quan hệ, phấn đấu cho đoàn kết Liên Xô - Trung Quốc... Đồng thời, Người cũng quan tâm duy trì quan hệ với các nước lớn ở châu Á, trong đó có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Ấn Độ. Đối với các nước lớn đối lập về ý thức hệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tránh đối đầu theo phương châm: “Dàn xếp sao cho đại sự thì thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự”¹², cố gắng “không gây thù oán với một ai”¹³. Trong điều kiện cho phép, Người luôn tận dụng cơ hội để giải quyết bằng thương lượng hòa bình.

Đề cao đạo lý trong quan hệ với các nước. Việt Nam có truyền thống ngoại giao “tâm công”, nghĩa là dùng chân lý và lẽ phải để thu phục lòng người, “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo”¹⁴. Phương pháp này được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới, được thể hiện rõ trong *Tuyên ngôn độc lập* (năm 1945). Người đã dùng những lý lẽ “không ai chối cãi” trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 để khẳng định

các quyền cơ bản của dân tộc Việt Nam, đó là: quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người đã “không bỏ lỡ một thời cơ nào để có thể hòa giải với nước Pháp”. Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, bên cạnh quyết tâm “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”¹⁵, Người chủ trương sẵn sàng “trải thảm đỏ để quân Mỹ rút về nước” và “hoan tống một cách lịch sự”.

Ngoại giao là một mặt trận. Ngay từ khi giành lại độc lập, ngoại giao Việt Nam đã trở thành một mặt trận. Trong thời kỳ hiện đại, ngoại giao luôn phối hợp nhịp nhàng với đấu tranh chính trị, quân sự, thực hiện “vừa đánh, vừa đàm”, đánh địch mọi nơi, mọi lúc. Trong bất kỳ tình huống nào, hiệu quả của ngoại giao đều phụ thuộc vào sức mạnh tổng hợp của quốc gia: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”¹⁶. Trong Chỉ thị kháng chiến kiến quốc (ngày 25/11/1945), Đảng ta khẳng định: “muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực”¹⁷; Nghị quyết Bộ Chính trị khóa III (tháng 4/1969) xác định: “*ngoại giao là một mặt trận quan trọng có ý nghĩa chiến lược*”¹⁸. Quán triệt chủ trương lớn của Đảng, ngoại giao Việt Nam đã có những cống hiến, đóng góp xứng đáng trong xây dựng mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, tạo nên thế trận “vừa đánh, vừa đàm”, chấm dứt chiến tranh bằng Hiệp định Paris năm 1973 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2. Sức mạnh mềm Việt Nam trong thực hiện đường lối đối ngoại theo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh được

vận dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Sau nhiều thập kỷ đấu tranh gian khổ, dân tộc Việt Nam đã giành lại trọn vẹn nền độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, mở ra thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh mới, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt lên vị trí hàng đầu. Kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới, các giá trị của dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ, đồng thời vị thế và sức mạnh tổng hợp của quốc gia được nâng lên một tầm cao mới, là điều kiện quan trọng để mở rộng quan hệ quốc tế, củng cố độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đối với Việt Nam, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà là làm cho mục tiêu đó trở thành hiện thực bằng những bước đi, phương thức và biện pháp phù hợp hơn. Với ý nghĩa đó, trong bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại”¹⁹.

Tư tưởng xuyên suốt trong các kỳ Đại hội Đảng, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, là xây dựng một xã hội mà sự phát triển kinh tế không tách rời việc bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc; giữ gìn môi trường sống trong lành để phục vụ con người một cách tốt nhất, nghĩa là sự phát triển của xã hội phải “vì con người”²⁰. Với yêu cầu “hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...”²¹, Đảng ta xác định, để phát triển bền vững nhất thiết phải chăm lo “phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường

và thích ứng với biến đổi khí hậu”²². “Xã hội xã hội chủ nghĩa với giá trị cốt lõi, bền vững và tốt đẹp mà nhân loại hướng tới là: một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người; sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai; một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân”²³.



Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 14/12/2021. Ảnh: Nhật Bắc

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế. Ý chí, khát vọng độc lập, hùng cường của dân tộc Việt Nam được thể hiện rõ từ thời các vua Hùng dựng nước. Đến thời đại Hồ Chí Minh, việc phát huy ý chí, khát vọng phát triển đất nước gắn liền với tư tưởng của Người về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc: “trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới”, với tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”²⁴. Trước lúc đi xa, Người mong muốn xây dựng một nước Việt Nam “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Những thành tựu và kinh nghiệm của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong hơn 35 năm qua tiếp tục khẳng định vai trò

quan trọng của ý chí, khát vọng phát triển đất nước trong toàn dân tộc. Bài học kinh nghiệm quý giá nhất của công cuộc đổi mới là dựa vào sức dân, phát huy tinh thần, ý chí và khát vọng của nhân dân trong chiến tranh cách mạng để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường hòa bình. Kết quả của công cuộc đổi mới còn là bài học về phát huy ý chí, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, “sánh vai với các cường quốc năm châu”²⁵ như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định 5 quan điểm chỉ đạo đối với công cuộc đổi mới hiện nay, trong đó nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”²⁶. Để hiện thực hóa quan điểm này, cần tích cực phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam. Bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển nhanh và bền vững. Phát huy truyền thống tự lực, tự cường, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc và nền ngoại giao theo tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và phát triển đất nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Sức mạnh, sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và ở sự ủng hộ của

nhân dân thế giới"²⁷. Thực hiện tư tưởng của Người, đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao ổn định, lâu dài với 30 đối tác chiến lược và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam cùng các nước nâng tầm hợp tác, vì lợi ích của mỗi nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới²⁸. Việt Nam đã chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, trở thành bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam đã tham gia các định chế khu vực, toàn cầu, đặc biệt là các FTA thế hệ mới và đóng góp tích cực ở hầu hết các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng; đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách, ghi dấu ấn đậm nét về sự chủ động, tích cực trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021. Từ đó, Việt Nam trở thành tâm điểm chú ý của toàn cầu với vị trí, uy tín cao trong năm 2020, được thế giới đánh giá là "ngôi sao sáng của châu Á", được xếp vào "top 16" nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và nghĩa vụ, trách nhiệm quốc tế. Sức mạnh của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay là khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công - nông - trí, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với một chế độ chính trị ổn định, nền an ninh, quốc phòng được củng cố vững chắc.

Theo đó, Đảng chủ trương thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản

của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Trong chỉ đạo xây dựng đoàn kết, hợp tác quốc tế, Đảng đã tìm thấy sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế. Trên cơ sở đường lối chiến lược đúng đắn, nắm vững mục tiêu chiến lược lâu dài, Đảng ta đề ra mục tiêu cụ thể trước mắt phù hợp với mục tiêu cách mạng thời đại. Đảng nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, phân tích hoàn cảnh lịch sử cụ thể, nhận thấy rõ mâu thuẫn cơ bản của thời đại, kẻ thù và bạn đồng minh. Nắm bắt xu thế và quy luật vận động của thế giới, kết hợp với tư duy thực tiễn và biện chứng để xác định đúng mục tiêu trong từng giai đoạn lịch sử. Trong thời kỳ cách mạng, Đảng luôn gắn mục tiêu đấu tranh của nhân dân Việt Nam với mục tiêu đấu tranh của nhân dân thế giới, tranh thủ những điều kiện thuận lợi và sự giúp đỡ của quốc tế để đẩy nhanh cách mạng trong nước.

Tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng, phức tạp, song xu thế lớn và nguyện vọng thiết tha của các dân tộc là luôn giữ vững hòa bình, mở rộng hợp tác vì sự phát triển. Đảng ta xác định rõ vị trí, vai trò của mình trong hợp tác và phân công lao động quốc tế, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất và cung ứng khu vực và toàn cầu. Đường lối, chính sách và mục tiêu trước sau như một của nước ta luôn phù hợp với xu thế lớn của thời đại. Lợi ích quốc gia - dân tộc gắn với bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển. Điều đó hoàn toàn phù hợp với lợi ích của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Coi trọng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Trung Quốc là một nước đồng minh chủ yếu của Việt Nam, quan hệ hữu nghị láng giềng với Trung Quốc được Việt Nam coi trọng.

Việt Nam đã tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác đặc biệt với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Hiện nay, quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục phát triển và ngày càng gắn bó trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây cũng là minh chứng tiêu biểu trong chính sách coi trọng quan hệ láng giềng, khu vực của ngoại giao Việt Nam.

Với Campuchia, Việt Nam không quản ngại hy sinh, gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ quốc tế cao cả, giúp đỡ nhân dân nước bạn trong công cuộc giải phóng đất nước, thoát khỏi chế độ diệt chủng của tập đoàn phản động Pol Pôt - IêngSary năm 1979. Ngày nay, Việt Nam tiếp tục phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị với Campuchia, giữ vững biên giới phía Tây Nam Tổ quốc, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, mở rộng quan hệ song phương và đa phương là phù hợp với xu thế liên kết khu vực đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Xu thế này nảy sinh từ nhu cầu liên kết để tận dụng tiềm năng của từng khu vực, tranh thủ cơ hội mới do quá trình toàn cầu hóa đem lại và ứng phó với những thách thức mới nảy sinh.

Coi trọng xử lý đúng quan hệ với các nước lớn.
Việt Nam là một nước có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế quan trọng ở khu vực Đông Nam Á, do đó, trong lịch sử, nhiều nước lớn đã tìm mọi cách để chia sẻ lợi ích ở Việt Nam. Ngày nay, khi xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trở thành đòi hỏi cấp thiết đối với các quốc gia, dân tộc trên thế giới, thì Việt Nam ngày càng được các nước lớn trên thế giới coi trọng, trở thành đối tác tin cậy

và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam cũng đặc biệt coi trọng việc xử lý khéo léo quan hệ với các nước lớn, chủ trương tôn trọng và luôn “biết mình, biết người”, “biết thời, biết thế”, “cương nhu kết hợp” vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Coi ngoại giao là một mặt trận. Từ thực tiễn đấu tranh, quan điểm về sự phối hợp giữa các mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa... với mặt trận ngoại giao đã được xây dựng và không ngừng được củng cố, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần quan trọng trong xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có sự đóng góp to lớn của nền ngoại giao Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, đánh thắng hai đế quốc sừng sỏ, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”; “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc Việt Nam.

Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam chủ trương kết hợp giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, ưu tiên phát triển kinh tế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để tranh thủ hợp tác và viện trợ, mở rộng quan hệ thương mại... Nhờ đó, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc, xây dựng nền ngoại giao “đa phương hóa, đa dạng hóa” đủ sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và phát triển đất nước.

Kiên định trong nguyên tắc và linh hoạt trong sách lược. Nguyên tắc của chúng ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Sách lược* của chúng ta là cơ động, linh hoạt điều chỉnh tùy theo từng vấn đề, từng thời điểm và tùy theo đối tượng, đối tác, vận dụng những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, “thêm bạn bớt thù”, “sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với ai”.

Xây dựng sự đoàn kết, đồng thuận trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Sự nghiệp làm nên bởi chữ *đồng*”²⁹. Đường lối đối ngoại đúng đắn và việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách cụ thể đã góp phần tạo ra sự đồng thuận cao trong toàn bộ hệ thống chính trị, sự đoàn kết của toàn dân tộc và sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của bạn bè quốc tế. Thể chế, chính sách quản lý thông nhất các hoạt động đối ngoại dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp hơn; cơ chế phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân với các hoạt động đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường...; giữa Trung ương và địa phương... đã có nhiều cải tiến, ngày càng đồng bộ hơn, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, phát huy sự năng động, sáng tạo, hiệu lực, hiệu quả cao của hoạt động đối ngoại, đóng góp xứng đáng vào việc thực hiện mục tiêu bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định, tạo ra những thời cơ và điều kiện thuận lợi nhất để phát triển đất nước.

Công tác xây dựng tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Trong những giai đoạn lịch sử khác nhau của đất nước, các thế hệ cán bộ đối ngoại đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, trong đó có đội ngũ cán bộ của Ban Đối ngoại Trung ương và

Bộ Ngoại giao, với chức năng tham mưu và trực tiếp triển khai công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Những nỗ lực trên mặt trận đối ngoại trong thời gian qua đã góp phần tạo ra lớp lớp thế hệ cán bộ đối ngoại ngày càng hội tụ đủ tố chất vừa hồng vừa chuyên, bước đầu thể hiện được bản lĩnh, đạo đức, cốt cách của ngoại giao Hồ Chí Minh. ♦

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 67.
- 2, 11, 29. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 30; t. 8, tr. 105; t. 3, tr. 279.
- 3, 13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 5, tr. 162, 256.
- 4, 7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 2, tr. 320, 329.
- 5, 24. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 3, tr. 596.
- 6, 17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 27.
- 8, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 7, tr. 288; t. 30, tr. 104.
- 9, 10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 1, tr. 284.
12. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 3, tr. 167.
14. Nguyễn Tuấn Liêu: *Lược thảo về quan hệ Việt - Trung thời phong kiến*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 1995, tr. 113.
- 15, 27. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 15, tr. 532, 675.
- 16, 25. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 4, tr. 147, tr. 35.
19. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Nhân dân, số 3/2021, tr. 11.
- 20, 21, 22, 26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 264, 114, 214, 34.
23. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 9.
28. Xem Phạm Bình Minh: *Ngoại giao Việt Nam: 75 năm đồng hành cùng dân tộc*, Báo Nhân dân điện tử, ngày 27/8/2020, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/ngoi-giao-viet-nam-75-nam-dong-hanh-cung-dan-toc--614495>.